

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TP BUÔN MA THUỘT  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2020/HSST

Ngày 12-5-2020

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Dư

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn DZi

2. Ông Bùi Ngọc Thảo

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Nguyệt Ánh – Là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*** Ông Hà Văn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 90/2020/TLST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2020/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Văn S**; Tên gọi khác: không, sinh năm 1985, tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú: Đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn L và bà Võ Thị D1; Bị cáo có vợ là Đinh Thị Ngọc G (đã ly hôn); Có 01 con, sinh năm: 2008. Tiền sự: Không, Tiền án: 02 tiền án: Ngày 25/01/2010, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, xử phạt: 08 năm tù, về tội: Mua bán trái phép chất ma túy, tại Bản án số: 18/2010/HSST ngày 25/01/2010. Ngày 05/6/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, xử phạt: 01 năm 06 tháng tù, về tội: Trộm cắp tài sản, tại Bản án số: 135/2018/HS-ST, ngày 05/6/2018. Ngày 16/7/2019 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo bị bắt từ ngày 11/12/2019, hiện đang tạm giam - có mặt tại phiên tòa.

**Bị hại:** Anh Nguyễn Thịnh Q, sinh năm 1988 - vắng mặt

Địa chỉ: Tổ dân phố B, phường T, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Nguyễn Đức T1, sinh năm 1988 - vắng mặt

Địa chỉ: Đường P, phường T, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bà Võ Thị D1, sinh năm 1965 - có mặt

Địa chỉ: Đường Đ, phường T, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Anh Lâm Văn C, sinh năm 1989 - có mặt

Địa chỉ: Thôn C, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

4. Anh Phạm Trường S1, sinh năm 1985 - vắng mặt

Địa chỉ: Thôn H, xã E, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

5. Bà D2, sinh năm 1974 - có mặt

Địa chỉ: Buôn E, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

**Người làm chứng:**

1. Anh Nguyễn Tấn D3, sinh năm 1986 - vắng mặt

Địa chỉ: Tổ dân phố B, phường T, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

2. Anh Đinh Sơn T2, sinh năm 1984 - vắng mặt

Địa chỉ: Tổ dân phố B, phường T, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Anh Nguyễn Hùng V, sinh năm 1980 - vắng mặt

Địa chỉ: Tổ dân phố B, phường T, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ 30 phút ngày 11/12/2019, Lê Văn S rủ Nguyễn Đức T1 vào nhà cậu của T1, ở địa chỉ: Tổ dân phố B, phường T, thành phố B, để lấy chiếc máy mài, thì T1 đồng ý. S điều khiển xe Mô tô nhãn hiệu: Yamaha, loại xe: Sirius, biển số: 47M1-102.83, chở Nguyễn Đức T1 đi về hướng nghĩa trang phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Khi đi ngang qua trước nhà của anh Đinh Sơn T2, địa chỉ: Tổ dân phố B, phường T, thành phố B, S thấy chiếc xe Mô tô nhãn hiệu: Yamaha, loại xe: Sirius, biển số: 47B1-369.60 của anh Nguyễn Thịnh Q đang dựng bên cạnh phía trước cổng nhà của anh T2, trên xe có gắn chìa khóa nên S nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô. Lúc này, S điều khiển xe chở T1 quay lại để quan sát nhưng không nói cho T1 biết ý định trộm cắp xe. Khi S điều khiển xe chạy qua nhà anh T2 cách khoảng 100m thì S dừng xe lại, xuống xe và nói với T1: “Mày chạy về trước đi, tí tao đi vào sau”, nghe S nói vậy thì T1

điều khiển xe Mô tô biển số: 47M1-102.83 đi trước. S đi bộ đến gần chiếc xe Mô tô biển số: 47B1-369.60 của anh Q, lên lút dắt chiếc xe và định bỏ chạy thì bị anh Q, cùng quần chúng nhân dân phát hiện bắt quả tang, giữ S lại. Sau đó, anh Q giao Lê Văn S cùng chiếc xe Mô tô biển số: 47B1-369.60 cho Cơ quan Công an để xử lý.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 306/KLĐG ngày 16/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự thành phố Buôn Ma Thuột, kết luận: 01 xe Mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, màu vàng đen, biển số 47B1-369.60, số máy: 5C642001419, số khung: 6409Y0201419 (xe hư hỏng phần nhựa, yên xe); trị giá: 2.800.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 105/CT-VKSBMT ngày 07/4/2020, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã truy tố Lê Văn S về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột đã phân tích, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lê Văn S phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Lê Văn S mức án từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù.

**Về xử lý vật chứng:** Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột ra Quyết định xử lý vật chứng trả chiếc xe Mô tô nhãn hiệu: Yamaha, loại xe: Sirius, màu: vàng đen, biển số: 47B1-369.60, số máy: 5C642001419, số khung: 6409Y0201419 cho anh Nguyễn Thịnh Q là chủ sở hữu hợp pháp và trả chiếc xe Yamaha, loại xe: Sirius, biển số 47M1- 102.83 cho bà Võ Thị Dư.

Bị cáo không tranh luận, bào chữa gì, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa bà Võ Thị D1 xác định đã nhận lại chiếc xe mô tô 47B1- 102.83, anh Lâm Văn C, bà D2 xác định đã bán chiếc xe này và đều không có yêu cầu gì. Quá trình điều tra Người bị hại anh Nguyễn Thịnh Q xác định đã nhận lại chiếc xe Yamaha, loại xe: Sirius, màu: vàng đen, biển số: 47B1-369.60 và không có yêu cầu gì. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Đức T1, Phạm Trường S1, đều không có yêu cầu gì.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa bị cáo Lê Văn S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai

của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột truy tố đối với bị cáo Lê Văn S là có cơ sở, đúng pháp luật.

Như vậy đã có đủ căn cứ pháp lý kết luận: Vào khoảng 10 giờ 30 phút ngày 11/12/2019, tại Tổ dân phố B, phường T, thành phố B, Lê Văn S đã có hành vi trộm cắp chiếc xe Mô tô nhãn hiệu: Yamaha, loại xe: Sirius, màu: vàng đen, biển số: 47B1-369.60, số máy: 5C642001419, số khung: 6409Y0201419, trị giá 2.800.000 đồng của anh Nguyễn Thịnh Q. Ngày 25/01/2010, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, xử phạt: 08 năm tù, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; Ngày 05/6/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, xử phạt: 01 năm 06 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 16/7/2019 chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương bị cáo không tu dưỡng bản thân mà ngày 11/12/2019 tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý là tái phạm nguy hiểm với tình tiết định khung tăng nặng theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; Như vậy hành vi của bị cáo Lê Văn S thực hiện đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

#### **Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định:**

***“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:***

***2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:***

#### ***g) Tái phạm nguy hiểm...”***

[2] Lê Văn S là công dân có đủ khả năng nhận thức và điều khiển được hành vi của bản thân trong cuộc sống, buộc bị cáo phải biết được tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi trái pháp luật xâm phạm đến đều bị trừng trị nghiêm minh. Song do ý thức coi thường pháp luật, tham lam tư lợi nên bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội; Do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội đã gây ra.

[3] Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người bị hại, đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an của xã hội; Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để đảm bảo việc cải tạo, giáo dục bị cáo và để đảm bảo tác dụng răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Phạm tội gây thiệt hại không lớn, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; đây là tình tiết

giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Do đó, cần áp dụng giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[6] Đối với chiếc xe Mô tô nhãn hiệu: Yamaha, loại xe: Sirius, màu: đen trắng, biển số: 47M1-102.83, số máy: 5C63638462, số khung: RLCS5C630CY638409. Quá trình điều tra xác định: Chiếc xe mô tô do anh Lâm Văn C đứng tên đăng ký chủ sở hữu, ngày 03/02/2015, anh C bán chiếc xe mô tô biển số: 47M1-102.83 cho cửa hàng xe máy Quảng Lợi 2, ở địa chỉ: đường L, phường T, thành phố B nhưng không làm thủ tục sang tên đổi chủ. Sau đó, ngày 08/02/2015, cửa hàng xe máy Quảng Lợi 2, bán chiếc xe mô tô biển số: 47M1-102.83 cho ông Y; trú tại: Buôn E, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình sử dụng, ông Y bán lại chiếc xe mô tô cho người khác (không rõ nhân thân, lai lịch). Vào năm 2016, bà Võ Thị D1 là mẹ ruột của bị cáo S, mua lại chiếc xe Mô tô biển số: 47M1-102.83 từ một cửa hàng bán xe máy nhưng bà D1 không nhớ địa chỉ của nơi bán và người bán. Đến ngày 11/12/2019, bà D1 cho S mượn chiếc xe mô tô để làm phương tiện đi lại. Sau đó, S sử dụng chiếc xe mô tô để đi đến nhà cậu của T1, trên đường đi đã nảy sinh trộm cắp tài sản, bà D1 không biết. Do vậy, ngày 09/3/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, đã ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả lại chiếc xe Mô tô biển số: 47M1-102.83, cho bà Võ Thị D1 nhận quản lý, sử dụng và không đề cập xử lý đối với bà D1 là phù hợp.

[7] Đối với anh Nguyễn Đức T1 là người đi cùng bị cáo Lê Văn S vào ngày 11/12/2019. Quá trình S trộm cắp tài sản thì anh T1 không biết và không được bàn bạc. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, không đề cập xử lý đối với anh Nguyễn Đức T1 là phù hợp.

[8] Về xử lý vật chứng:

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả chiếc xe Mô tô nhãn hiệu: Yamaha, loại xe: Sirius, màu: vàng đen, biển kiểm soát 47B1-369.60, số máy: 5C642001419, số khung: 6409Y0201419 cho anh Nguyễn Thịnh Q và trả chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe: Sirius, biển kiểm soát 47M1-102.83 cho bà Võ Thị D1 là các chủ sở hữu.

[9] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[10] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173, điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lê Văn S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Lê Văn S 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt (ngày 11/12/2019).

**Các biện pháp tư pháp:** Căn cứ khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

**Về xử lý vật chứng:** Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả chiếc xe Mô tô nhãn hiệu: Yamaha, loại xe: Sirius, màu: vàng đen, biển kiểm soát: 47B1-369.60, số máy: 5C642001419, số khung: 6409Y0201419 cho anh Nguyễn Thịnh Q và trả chiếc xe Mô tô nhãn hiệu: Yamaha, loại xe: Sirius, biển kiểm soát 47M1-102.83 cho bà Võ Thị D1 là các chủ sở hữu.

**Về án phí:** Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Văn S phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Vụ GDKT 1 – TAND TC;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Công an Tp. Buôn Ma Thuột;
- Thi hành án phạt tù (để thi hành);
- Chi cục THADS Tp. Buôn Ma Thuột;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Vũ Thị Dư**